

Hà nội, ngày 27 tháng 12 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA10**

Mã chứng khoán: **L10**

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 38649584 Fax: 024 38649581

Người thực hiện công bố thông tin: **Trịnh Ngọc Tuấn Hùng**

Địa chỉ: Tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà nội.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024 3 8649586 Fax: 024 38649581

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung công bố thông tin: **Trích Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty phiên họp thường kỳ quý IV năm 2018.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/12/2018 tại địa chỉ website: www.lilama10.com.vn

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố (Đính kèm Nghị quyết số: 46/NQ-HĐQT ngày 27/12/2018).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Lilama 10.

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Ngọc Tuấn Hùng

Số: 46 /Lilama10/HĐQT

Hà nội, ngày 27 tháng 12 năm 2018

“Trích ”

NGHỊ QUYẾT

Số 45/Lilama10/HĐQT ngày 27/12/2018
của HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý IV năm 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA10

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13, ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản dưới Luật;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA10;
- Căn cứ nghị quyết Hội đồng quản trị số 45/Lilama10/HĐQT ngày 27/12/2018 của HĐQT Công ty,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Hội đồng quản trị thông qua:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018:

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2018 | Ước TH năm 2018 | Tỷ lệ Thực hiện |
|-----------------------------|---------|-------------------|-----------------|-----------------|
| Giá trị sản xuất kinh doanh | Tỷ đồng | 1.050 | 1.050,8 | 100.1% |
| Giá trị doanh thu | Tỷ đồng | 1.000 | 1.050,0 | 105% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 20 | 20 | 100% |
| Nộp ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 48,8 | 48,8 | 100% |
| Đầu tư | Tỷ đồng | 40.7 | 0.3 | 0.74% |

2. Chi tiết kế hoạch SXKD năm 2019:

2.1. Kế hoạch SXKD:

| TT | Nội dung | Đơn vị | Kế hoạch 2019 | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------|-------------|---------------|---------|
| 1 | Giá trị tổng sản lượng | 1.000 đ | 1,050,800,000 | |
| 2 | Tổng doanh thu SXKD | 1.000 đ | 1,050,000,000 | |
| 3 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.000 đ | 20,000,000 | |
| 4 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 1.000 đ | 16,000,000 | |
| 5 | Vốn chủ sở hữu | 1.000 đ | 240,000,000 | |
| 6 | Vốn điều lệ | 1.000 đ | 98,900,000 | |
| A | Vốn Nhà nước (Vốn LILAMA góp) | 1.000 đ | 50,490,000 | |
| B | Vốn cổ đông khác | 1.000 đ | 48,410,000 | |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu | % | 1.9 | |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Vốn điều lệ | % | 20.2 | |
| 9 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / VCSH | % | 8.3 | |
| 10 | Tổng mức vốn Đầu tư MMTB | 1.000 đ | 82,850,000 | |
| | <i>Trong đó: Vốn tín dụng</i> | 1.000 đ | 57,750,000 | |
| 11 | Nguyên giá TSCĐ | 1.000 đ | 604,000,000 | |
| 12 | Giá trị còn lại của TSCĐ | 1.000 đ | 231,000,000 | |
| 13 | Nguyên giá TSCĐ dùng vào SXKD | 1.000 đ | 604,000,000 | |
| 14 | Trích khấu hao cơ bản | 1.000 đ | 39,000,000 | |
| 15 | Số phải nộp ngân sách | 1.000 đ | 48,800,000 | |
| A | - Thuế GTGT phải nộp | 1.000 đ | 43,100,000 | |
| B | - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.000 đ | 4,000,000 | |
| C | - Thuế khác | 1.000 đ | 1,700,000 | |
| 16 | Đơn giá tiền lương | đ/1000 đ DT | 380 | |
| | - Tiền lương bình quân/người/tháng | 1.000 đ | 8,500 | |
| 17 | Kế hoạch trả cổ tức | %/năm | (8-10%) | |

2.2. Kế hoạch tín dụng:

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Kế hoạch 2019 | Ghi chú |
|----|------------------------|-------------|---------------|---------|
| 1 | Vay ngắn hạn, dài hạn | 1.000 đ | 721,850,000 | |
| - | Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.000 đ | 664,100,000 | |
| - | Vay dài hạn ngân hàng | 1.000 đ | 57,750,000 | |

| | | | | |
|---|-----------------------------------------|----------------|--------------------|--|
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| | <i>Đầu tư mua mới máy móc, thiết bị</i> | <i>1.000 đ</i> | <i>57,750,000</i> | |
| 2 | Nhu cầu vốn lưu động bình quân | 1.000 đ | 763,000,000 | |
| 3 | Vòng quay vốn lưu động bình quân | Vòng | 1.3 | |
| 4 | Hạn mức bảo lãnh ngân hàng | 1.000 đ | 300,000,000 | |

Hội đồng quản trị Ủy quyền cho Tổng giám đốc trực tiếp ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng đảm bảo tiền vay và xử lý các tài sản đảm bảo; các văn bản liên quan đối với các Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác phục vụ hoạt động SXKD năm 2019 của Công ty.

2.3. Kế hoạch lao động - đào tạo - tuyển dụng :

** Lao động-Tiền lương:*

| TT | Nội dung | Đơn vị | Kế hoạch 2019 |
|----|---------------------------|--------------------|---------------|
| 1 | Lao động | <i>Người</i> | 2.500 |
| 2 | Đơn giá tiền lương | <i>đ/1000 đ DT</i> | 380 |

** Đào tạo-tuyển dụng:*

| TT | Nội dung tuyển dụng, đào tạo năm 2019 | Kế hoạch năm 2019 (người) | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|
| I | Nhu cầu lao động | 2.500 | |
| II | Tuyển dụng: | 300 | |
| 1 | Tuyển dụng công nhân kỹ thuật | 275 | |
| 2 | Tuyển dụng Kỹ sư kỹ thuật | 20 | |
| 3 | Tuyển dụng phiên dịch tiếng Anh, tiếng Nga, Tiếng Trung Quốc... | 5 | |
| III | Đào tạo: | 120 | |
| 1 | Đào tạo về quản trị doanh nghiệp cho cán bộ cán bộ lãnh đạo quản lý, điều hành Công ty | 05 | |
| 2 | Đào tạo Bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt, kỹ thuật, nghiệp vụ | 06 | |
| 3 | Cử cán bộ đi học lý luận chính trị... | 05 | |
| 4 | Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân hàn và các nghề khác. | 64 | |
| 5 | Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho kỹ sư, kỹ thuật. | 20 | |
| 6 | Đào tạo kỹ sư, kỹ thuật đi học các lớp ngoại ngữ | 20 + Trong nước: 10 + Nước ngoài : 10 | |

3. Công tác cán bộ:

Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Lilama10 - Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị Hải Dương đối với ông **Lê Kim Hải**, sinh năm 1985, kỹ sư cơ khí.

Điều 2. Thực hiện nghị quyết:

Giao Tổng Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ nghị quyết của HĐQT để triển khai thực hiện trên cơ sở tuân thủ pháp luật Nhà nước và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Người CBTT;
- Lưu HĐQT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuấn